

Bản án số: 91/2023/HS-ST
Ngày 26-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây;

Bà Trần Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 117/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023, đối với:

- Bị cáo: Phạm Văn L, sinh năm 1984 tại tỉnh Kiên Giang; chứng minh nhân dân số: 271599962 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 24/7/2017; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: 12/12; nơi đăng ký thường trú: 10/7, Tổ G, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: A, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phạm Văn L1, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1966; gia đình bị can có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ tên Trần Thị N, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2011; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 22 tháng 10 năm 2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ theo Quyết định tạm giam số 233/2023/HSST-QĐ ngày 15/6/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị hại: Bà **Trần Thị L2**, sinh năm 1969 (quốc tịch Mỹ; số hộ chiếu: 055474756).

Người đại diện theo ủy quyền của bà **L2**: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: **Số I, Khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Khoảng 18 giờ ngày 21/10/2022, **L** điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60B1-873.96 đi mua đồ ăn, khi đi đến gần **cây xăng T1** thuộc **phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** thì thấy chị **Trần Thị H**, sinh năm 1984, ngụ tại **số I, tổ B, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda biển số 60F1-371.84 chở bà **Trần Thị L2**, sinh năm 1969 (quốc tịch Mỹ; số hộ chiếu: 055474756) cư trú tại **số I, tổ C, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** ngồi phía sau đi từ **Bệnh viện Đ ra đường Q**, trên cổ bà **L2** có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng nên **L** đã nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, **L** điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Khi chị **H** chở bà **L2** rẽ vào đường hẻm thuộc **khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** được khoảng 100 mét, **L** quan sát thấy trong hẻm vắng người qua lại nên **L** điều khiển xe mô tô áp sát bên phải xe mô tô của chị **H** rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ của bà **L2**. Sau khi chiếm đoạt được tài sản **L** đã tăng ga bỏ chạy vào bên trong thì phát hiện hẻm cụt nên đã vứt xe mô tô rồi bỏ trốn. Đến khoảng 02 giờ ngày 22/10/2022, **L** đã đến **Công an phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** đầu thú và giao nộp sợi dây chuyền.

2. Vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60B1-873.96 là phương tiện phạm tội của **L** là xe của bà **Phạm Thị T** (mẹ ruột của **Phạm Văn L**). Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà **Phạm Thị T**.

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng (vật chứng của vụ án). Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại.

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ trắng; 01 (một) quần Jean lửng màu xanh; 01 (một) đôi dép cao su màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xanh đây là những đồ dùng mà **Phạm Văn L** đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

3. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Cáo trạng số: 113/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố **Phạm Văn L** về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố, xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** từ 05 đến 06 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ trắng; 01 (một) quần Jean lửng màu xanh; 01 (một) đôi dép cao su màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xanh đây là những đồ dùng mà **Phạm Văn L** đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Khoảng 18 giờ ngày 21/10/2022, **Phạm Văn L** thấy chị **Trần Thị H** đang điều khiển xe mô tô chở bà **Trần Thị L2** (quốc tịch Mỹ) ngồi phía sau đi từ **Bệnh viện Đ ra đường Q**, trên cổ bà **L2** có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng nên **L** đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. **L** điều khiển xe mô tô bám theo đến hẻm vắng người qua lại, áp sát bên phải xe mô tô của chị **H**, dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ của bà **L2**. Sau khi chiếm đoạt được tài sản **L** đã tăng ga bỏ chạy vào thì phát hiện hẻm cụt nên đã vớt xe mô tô rồi bỏ trốn. Đến khoảng 02 giờ ngày 22/10/2022, **L** đến **Công an phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** đầu thú và giao nộp sợi dây chuyền. Tài sản chiếm đoạt được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự **thành phố B, tỉnh Đồng Nai** xác định có giá trị 5.640.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Về quyết định hình phạt:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao nộp tài sản và ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, răn đe đối với bị cáo; đồng thời, giáo dục phòng ngừa tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[5] Vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ trắng; 01 (một) quần Jean lửng màu xanh; 01 (một) đôi dép cao su màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xanh đây là những đồ dùng mà **Phạm Văn L** đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 329, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn L** phạm tội “Cướp giạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** 04 (bốn) năm 03 (ba) tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2022.

2. Biện pháp ngăn chặn:

Tiếp tục tạm giam bị cáo **Phạm Văn L** theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu đỏ trắng; 01 (một) quần Jean lửng màu xanh; 01 (một) đôi dép cao su màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xanh là những đồ dùng mà **Phạm Văn L** đã sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

(Vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

4. Án phí:

Buộc bị cáo **Phạm Văn L** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai (2);
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Vp và Tp.

Nguyễn Xuân Quang

